TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2017/DS - ST
Ngày 12 tháng 12 năm 2017
V/v: " Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH BẮC GIANG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Công Hoan;

Các Hội thẩm nhân dân: 1 - Ông Nguyễn Ngọc Trứ;

2 - Ông Nguyễn Xuân Hoàng;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Ngô Thanh Thuần – Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên.

Trong cóc ngày 08 và 12 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2017; về việc "Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2017/QĐXXST - DS ngày 08 tháng 11 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2017/QĐST - DS ngày 24/11/2017; Quyết định ngừng phiên tòa số 12/2017/QĐST-DS ngày 08/12/2017 giữa:

+ *Nguyên đơn*: Chị Hà Thị Tr - sinh năm 1972(Có mặt);

- Anh Nguyễn Văn N - sinh năm 1969 (Là chồng) – do chị Hà Thị Tr – là người đại diện theo ủy quyền (Có mặt)

- Đều có địa chỉ: Thôn G, xã M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

+ *Bị đơn*: Anh Đặng Văn T - sinh năm 1981 (Vắng mặt);

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Hoàng Thị Ng – sinh năm 1982 (Vợ anh T) - (Vắng mặt)

- Đều có địa chỉ: Thôn T L, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Hà Thị Tr và anh Nguyễn Văn N ngày 17/7/2017, bản tự khai của chị Hà Thị Tr ngày 07/8/2017 (BL: 01; 18):

Ngày 28/12/2011 anh Đặng Văn T đến vay của vợ chồng Chị số tiền 250.000.000đồng (Hai trăm năm triệu đồng) hai bên không có thỏa thuận về lãi suất, không có thời hạn phải trả. Hai bên có viết giấy biên nhận vay tiền.

Ngày 26/7/2012 (Âm lịch) chị Hoàng Thị Ng là vợ anh T có vay của vợ chồng Chị số tiền 140.000.000đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng), không có lãi suất, không có thời gian phải trả. Hai bên có viết giấy biên nhận vay tiền.

Do nhu cầu sử dụng số tiền đã cho vay, nên chị Tr đã khởi kiện anh T và chị Ng tại Tòa án nhân dân huyện H để đòi số tiền đã cho anh T và chị Ng vay, trong quá trình giải quyết anh T, chị N đã trả chị Tr, anh N số tiền 190.000.000đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng). Ngày 25/4/2016 chị Tr và anh T đã thỏa thuận viết lại giấy biên nhận vay tiền đối với số tiền còn nợ là 200.000.000đồng mà anh T và chị Ng còn nợ vợ chồng chị Tr, anh N, các bên thỏa thuận anh T, chị Ng phải trả chị Tr, anh N mỗi tháng 10.000.000đồng (Mười triệu đồng). Chị Tr đã rút đơn khởi kiện và được Tòa án chấp nhận. Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án.

Sau đó anh T, chị Ng không thực hiện trả tiền theo thỏa thuận ngày 25/4/2016 với chị Tr, cho nên vợ chồng anh N, chị Tr làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Đặng Văn T và chị Hoàng Thị Ng phải trả vợ chồng Chị số tiền vay gốc còn nợ là 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi là 22.500.000đồng (Hai hai triệu, năm trăm nghìn đồng). Tổng cả gốc là 222.500.000đồng (Hai trăm hai hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao cho anh Đặng Văn T và chị Hoàng Thị Ng thông báo về việc thụ lý vụ án, đồng thời giải thích trợ giúp pháp lý theo quy định. Anh T, chị Ng đã nhận thông báo thụ lý vụ án nhưng không ký biên bản giao nhận, đồng thời có ý kiến không thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý nào và không ký biên bản giải thích trợ giúp pháp lý. Tòa án cũng đã làm việc với cán bộ xã M về đối tượng được trợ giúp pháp lý đối với anh T, chị Ng, UBND xã M có ý kiến vợ chồng anh T, chị Ng đều không thuộc đối tượng trợ giúp Pháp lý theo quy định..

Quá trình giải quyết vụ án anh T, chị Ng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cũng như không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, anh T, chị Ng phải trả nợ anh N, chị Tr số tiền là 222.500.000đồng. Tòa án đã nhiều lần báo anh T, chị Ng đến Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh T, chị Ng đều không hợp tác. Tòa án đã giao thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cho anh T, chị Ng, phiên họp và phiên hòa giải vào các ngày 13/10/2017; 08/11/2017, anh T, chị Ng đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy các phiên họp và phiên hòa giải không tiến hành được theo quy định tại Khoản 1 Điều 207; Khoản 1, 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự. Về biên bản phiên họp về giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ Tòa án đã giao cho anh T, chị Ng;

Bị đơn là anh T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thị Ng có nghĩa vụ liên đới không có mặt tại phiên tòa ngày 24/11/2017, do vậy phiên tòa phải hoãn theo quy định của Pháp luật. Quyết định hoãn phiên tòa đã đ- ợc tống đạt hợp lệ cho các đương sự trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay anh T, chị Ng đều vắng mặt không có lý do. Cho nên việc thỏa thuận giữa các đương sự tại phiên tòa không tiến hành được.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư

ký, Hội đồng xét xử, của những ng- ời tham gia tố tụng trong vụ án cũng như về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Bị đơn anh Đặng Văn T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thị Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về thời hiệu khởi kiện vụ án của nguyên đơn. Sau khi các bên đương sự có thỏa thuận lại số tiền còn nợ và thỏa thuận thời hạn trả, bị đơn không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận. Do vậy nguyên đơn khởi kiện đòi lại tài sản và yêu cầu tính lãi từ ngày thỏa thuận lại theo lãi suất 1%/tháng cho nên thời hiệu khởi kiện về đòi tài sản cũng như yêu cầu về lãi suất là đúng quy định. Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hiệu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về quan hệ tranh chấp: Theo tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp Hội đồng xét thấy: Khi vay tiền giữa nguyên nguyên đơn anh Nguyễn Văn N và chị Hà Thị Tr đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đầy đủ, có căn cứ. Nguyên đơn và bị đơn có viết giấy biên nhận vay tiền, nội dung thể hiện số tiền đã vay, sau đó các đương sự có sự thỏa thuận lại và viết giấy biên nhận vay tiền, các bên có sự cam kết về việc thanh toán trả nợ tiền đã vay và đều tự nguyện ký giấy vay tiền. Do anh T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ về thời hạn trả nợ, lãi suất đã thỏa thuận trong giấy biên nhận vay tiền đã ký. Xét về hình thức và nội dung giấy biên nhận vay tiền, giấy biên nhận vay tiền là một thỏa thuận giữa hai bên trong giao dịch dân sự và hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái với quy định của pháp luật phù hợp quy định tại các Điều 389; các Điều 401; 402; 403; 404 của Bộ Luật dân sự năm 2005 tại thời điểm ký kết. Do vậy giấy biên nhận vay tiền ở trên là một dạng hợp đồng dân sự về vay tài sản. Các bên không thực hiện đúng giao dịch đã ký kết. Việc nguyên đơn đã thực hiện khởi kiện tại Tòa án để đòi số tiền gốc còn nợ là phù hợp với quy định của Pháp luật, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, phù hợp quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005. Nội dung hợp đồng có thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ, đã thể hiện phù hợp với quy định tại Khoản 1, Khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 (Nay quy định tại Điều 463; Khoản 1, 4, điển b Khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015).

Tại phiên tòa nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khác trong vụ án, yêu cầu Tòa án buộc anh Đặng Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thị Ng có nghĩa vụ liên đới, phải trả 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền gốc và 28.500.000đồng (Hai tám triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền lãi từ ngày 25/4/2016 cho đến ngày xét xử 12/12/2017.

Hội đồng xét xử thấy việc nguyên đơn đòi lại số tiền đã cho vay và yêu cầu trả lãi 1%/tháng là phù hợp với quy định tại Khoản 4 Điều 474 Bộ Luật dân sự năm 2005, nên được chấp nhận.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người có nghĩa vụ thi hành án phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 146; Khoản 1 Điều 147; Khoản 3 Điều 144 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Anh Đặng Văn T và chị Hoàng Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Do yêu cầu của nguyên đơn đ- ợc chấp nhận, nên số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp được hoàn trả.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dõn sự;

Việc tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và về việc giải quyết vụ án mà Kiểm sát viên có ý kiến. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và đảm bảo đúng quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1 - Áp dụng: Điểm c Khoản 1 Điều 688; Điều 288; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471; Khoản 1, Khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Khoản 3 Điều 144, Khoản 1 Điều 146; Khoản 1 Điều 147, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1; 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là anh Nguyễn Văn N và chị Hà Thị Tr;

Buộc anh Đặng Văn T và chị Hoàng Thị Ng có nghĩa vụ liên đới, phải trả cho anh Nguyễn Văn N và chị Hà Thị Tr số tiền đã vay là 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 25/5/2016 cho đến ngày 12/12/2017 là 28.500.000đồng. Tổng cộng số tiền phải trả là 228.500.000đồng (Hai trăm hai tám triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày ng- ời có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án, ng- ời có nghĩa vụ thi hành án phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015, đối với số tiền phải thi hành án t- ơng ứng với thời gian chậm trả.

3- Về án phí: Anh Đặng Văn T và chị Hoàng Thị Ng phải chịu 11.425.000đồng (Mười một triệu, bốn trăm hai năm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chị Hà Thị Tr số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001766 ngày 07/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang là 5.562.500đồng (Năm triệu, năm trăm sáu hai nghìn, năm trăm đồng).

Báo cho đ- ơng sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho đ- ơng sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án , hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- Những ng- ời tham gia tố tụng;
- L- u hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Công Hoan